TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 06 – 02 – 2025
Về việc ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Phước

2. Bà Dương Thị Tú Phương

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 345/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2024 về việc "ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 455/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Quốc S, sinh năm 1980
Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.
Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986
Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

(Anh Sĩ, chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 11 năm 2024 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn anh Phạm Quốc S trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2006, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu theo Giấy chứng nhận kết hôn số 135, ngày 16/8/2010. Thời gian đầu vợ

chồng anh chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 7 năm 2023, anh và chị Nguyễn Thị T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, chị T không còn tình cảm với anh nên không quan tâm anh. Vào ngày 25/01/2024, gia đình hai bên có hàn gắn tình cảm giữa anh và chị T nhưng không hàn gắn được nên anh và chị T có lập tờ ly hôn thuận tình. Từ ngày 25/01/2024, anh và chị T đã ly thân đến nay, trong thời gian ly thân anh có liên lạc với chị T để hàn gắn tình cảm nhưng không thể hàn gắn được. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T. Về con chung, anh đồng ý cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục hai cháu Phạm Hồng N, sinh ngày 02/5/2007 và cháu Phạm Thị Hồng V, sinh ngày 17/01/2016, anh không cấp dưỡng nuôi con. Hiện hai cháu N và V đang sống chung với chị T. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giải quyết cho anh Phạm Quốc S ly hôn với chị Nguyễn Thị T. Về con chung: Giao cháu Phạm Hồng N, sinh ngày 02/5/2007 và cháu Phạm Thị Hồng V, sinh ngày 17/01/2016 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phạm Quốc S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí, anh S phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Anh Phạm Quốc S khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị T. Khi khởi kiện, chị T trú tại ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, anh S có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội

đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh S và chị T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Anh Phạm Quốc S và chị Nguyễn Thị T xây dựng hôn nhân năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu theo Giấy chứng nhận kết hôn số 135, ngày 16/8/2010 nên hôn nhân giữa anh S và chị T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét thấy, theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, theo anh S xác định, quá trình chung sống, anh S và chị T tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm nên thường phát sinh mâu thuẫn. Vì vậy, anh S và chị T đã ly thân từ ngày 25/01/2024 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh S và chị T có liên lạc nhưng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị T không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh S, như vậy chị T đã bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân này. Từ đó, cho thấy hôn nhân giữa anh S và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh S, cho anh S được ly hôn với chị T.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, anh S và chị T có hai người con là cháu Phạm Hồng N, sinh ngày 02/5/2007 và cháu Phạm Thị Hồng V, sinh ngày 17/01/2016. Anh S đồng ý cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N và cháu V, anh không cấp dưỡng nuôi con. Chị T đã được Tòa án thông báo về việc yêu cầu nuôi con chung của anh S nhưng chị T không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu của anh S. Xét thấy, từ khi ly thân, chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Hồng N và cháu Phạm Thị Hồng V, chăm sóc tốt cho các cháu, tạo điều kiện cho cháu phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Vì vậy, để không làm thay đổi cuộc sống ổn định và bảo đảm quyền lợi mọi mặt của cháu N và cháu V, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: Giao cháu Phạm Hồng N, sinh ngày 02/5/2007 và cháu Phạm Thị Hồng V, sinh ngày 17/01/2016 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Anh Phạm Quốc S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Anh Phạm Quốc S đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0007203 ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long được chuyển thu án phí. Chị Nguyễn Thị T không phải chịu án phí.

[8] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Phạm Quốc S đối với chị Nguyễn Thị T. Cho anh Phạm Quốc S ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung:

2.1. Giao cháu Phạm Hồng N, sinh ngày 02/5/2007 và cháu Phạm Thị Hồng V, sinh ngày 17/01/2016 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện cháu Phạm Hồng N và cháu Phạm Thị Hồng V đang sống với chị Nguyễn Thị T. Anh Phạm Quốc S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Anh Phạm Quốc S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Anh Phạm Quốc S đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0007203 ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long được chuyển thu án phí. Chị Nguyễn Thị T không phải chịu án phí.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi Cục THADS huyện Phước Long;
- UBND xã Vĩnh Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Nguyễn Hồng Đào